

DÒNG SÔNG ĐỊNH MẠNG

Ts. Nguyễn Hữu Phước

Dòng sông Đa Phước Dòng sông của tuổi ấu thơ

Đa Phước là tên của một dòng sông nhỏ, chảy ngang qua quận lỵ Mỏ Cày (tỉnh Bến Tre), chảy vào sông Hàm Luông tại “Vàm Nước Trong”. Hàm Luông là một trong những nhánh chánh của Tiền Giang. Sông Đa Phước tên là “Rạch Vàm Nước Trong”, nhưng vì chảy ngang làng Đa Phước Hội nên còn có tên là Sông Đa Phước.

Tôi sống bên dòng sông này trong mười một năm đầu của cuộc đời và gắn bó với nó nhiều từ lúc 5 tuổi cho đến lúc 14 tuổi. Trong suốt 11 năm đó, nhiều ngày trong tuần, tôi đã câu cá, tắm lội và chèo ghe đùa chơi với các bạn cùng lứa tuổi.

Xuồng ba lá hay xuồng tam bẳng

Vì sống cạnh con sông, nên cha tôi đã cho tôi tập lội từ lúc lên năm. Sau một vài tháng tập tành tôi đã “lội như con rái” theo lời má tôi hay khoe với những người bạn “hàng bông” (những người chuyên bán trái cây, rau cải, trồng trong vườn và dùng ghe nhỏ, thường là “xuồng ba lá” để chở hàng bông ra chợ bán.)

Ngay trước nhà tôi, cha tôi có làm một “cây cầu nước” để xuồng gánh nước sông lên mà dùng, hoặc để giặt quần áo. Cầu này còn là nơi các bạn hàng bông làm chỗ cột ghe, xuồng, nhứt là khi các chỗ cột ghe gần sát bên nước ở chợ đã chật chỗ. Khi những bạn hàng này cột xuồng xong, họ đem những cây “dầm” (tức cây chèo cán ngắn dùng để bơi ghe) lên gởi ở nhà tôi cho đến khi họ buôn bán xong, trở lại đem dầm về xuồng và đi về. Nhờ vậy mà tôi quen được với rất nhiều chủ xuồng và... tha hồ “mượn” xuồng bơi, chèo đi chơi vài ba mươi phút. Gọi là “mượn” chớ sự thật là cứ lấy dầm và mở dây cột xuồng rồi bơi vòng vòng gần đó mà thôi, chớ có hỏi mượn chủ xuồng bao giờ đâu.

Đa số những xuồng này thuộc loại xuồng nhỏ nhất: “xuồng ba lá”. Xuồng này còn có tên là “xuồng tam bẳng” hoặc “ghe tam bẳng”. Người ta còn gọi tắt là những chiếc “tam bẳng” hay những chiếc “ba lá”. Tên “ba lá” thật ra do chữ tam bẳng mà ra, vì thân xuồng được làm bằng ba miếng ván dài, uốn cong và nối với nhau bằng những chốt cây và những cái ngàm. Để cho nước khỏi thấm vào bên trong xuồng, chỗ ráp của các miếng cây được trét “chai”. Chai là một chất dẻo ngăn chặn được nước khỏi thấm qua mấy chỗ ráp không kín giữa các miếng ván. Thợ đóng xuồng không dùng đinh hay các kim loại khác trong việc chế tạo xuồng.

Chèo lái vọt

Ngoài vài cây dầm ra, mỗi xuồng còn trang bị thêm một, hoặc hai chèo. Nơi có gắn hai cây chèo trở thành phần lái của chiếc xuồng. Khi chèo, phải chèo cả hai cây một lượt, và sức đẩy phải đồng đều, xuồng mới đi thẳng. Tùy theo sự đẩy mạnh của tay trái hay tay phải, xuồng sẽ đi theo hướng trái hay phải, vì tay phải chèo cây chèo phía trái, và tay trái chèo cây chèo phía mặt.

Chèo ghe xuồng kiểu này có tên rất đặc biệt là “chèo lái vọt”. Chèo kiểu này, nếu có thêm một người bơi dầm phía mũi xuồng nữa thì xuồng đi rất nhanh. Ca dao có câu:

Ghe anh nhỏ mũi trống lườn
Ở trên Gia Định xuồng vườn thăm em.

Người chèo lái vọt phải có sức mạnh bền bỉ mới chèo một đoạn đường xa được, vì chèo cách này rất mau mỏi tay. Cũng như việc biết lội, tôi biết bơi xuồng và chèo xuồng, kể cả việc chèo lái vọt, từ lúc năm tuổi.

Tới giờ này, nhìn những hình ảnh do bạn bè từ VN đem qua tôi vẫn thấy còn vô số những chiếc xuồng, những chiếc ghe nhỏ, hay trung bình, dài độ 3 hay 4 đến 6 thước (10-12 đến 18 feet) với hai mái chèo phía sau. Thiên hạ vẫn còn tiếp tục “chèo lái vọt” một cách nhịp nhàng bên cạnh những chiếc ghe có gắn máy “đuôi tôm”, một loại máy có chân vịt nhỏ, gắn ở cuối một thanh sắt tròn và xoay vòng nhờ một động cơ nhỏ. Máy

này được nhập cảng rất nhiều từ Nhật Bản. Hình ảnh “chè lái vọt” vẫn còn là một trong những hình ảnh đẹp trên những dòng sông, nhứt là những nơi có chợ nổi, ghe xuồng đi lại nhộn nhịp, buôn bán tấp nập.

Câu giăng hay giăng câu

Lúc còn học tiểu học, ngoài giờ học tôi thường câu cá ở ngay trên giòng sông Đa Phước. Câu vừa là giải trí vừa là một phần của việc tìm thêm thực phẩm cho gia đình. Không phải câu bằng cần câu đâu. Tôi “câu giăng”.

Với một sợi “nhợ” (dây làm bằng bông vải) dài độ 50 mét, tôi buộc vào đó độ 30 lưới câu. Khoảng cách giữa các lưới câu độ một mét. Cuối dây câu, có một cục gạch nặng cỡ một kí lô. Sau khi móc mỗi vào lưới và sắp xếp thành một hàng dài, dùng tay quăng cục gạch về phía giữa sông. Đầu dây có gạch chìm xuống kéo các lưới câu chìm theo. Đầu dây kia, đã được cột chặt vào một thân cây, hay một cây nọc, nếu không có cây gần nơi câu. Dòng nước sẽ kéo “đường câu” xeo xéo về hướng nước chảy.

Độ mỗi giờ thì “thăm câu” một lần: Từ từ kéo đường câu lên và nếu có cá ăn câu thì gỡ cá ra và móc lại mỗi nơi những lưới câu nào mà mỗi đã bị cá “rỉa” nhưng không mắc vào lưới. Khi kéo đường câu lên, sự thích thú là cảm nhận được việc “cá mắc câu rồi” qua sự động đậy do cá vùng vẫy, cố thoát chạy. Đây là những giây phút mà dân câu cảm thấy “khoái chí” hay cảm thấy “đã” lắm khi đang kéo nhanh đường câu lên. Đường câu bị giật càng mạnh, độ thích thú càng nhiều, vì hoặc có cá lớn hoặc có nhiều lưới câu có cá.

Đôi khi bị “mừng hụt”: Lưới câu móc một cành cây nhỏ còn lá; khi kéo câu, sự cản nước của cành và lá làm người kéo câu có cảm tưởng được con cá lớn, và tưởng rằng vì cá đã mệt nên ít vùng vẫy. Khi cành cây lộ lên khỏi mặt nước và tay cầm dây kéo nghe “nhẹ oe” thì tức như bị ngựa đá; và đôi khi... chửi đổng vài tiếng cho đỡ tức.

Tuy tôi còn nhỏ, nhưng tôi giăng câu “nghề” lắm. Đó là lời tôi nghe má tôi sau này kể lại cho các cháu tôi nghe. Tôi câu “nghề” lắm vì bữa nào tôi đi câu là bữa đó, cơm trưa hoặc cơm chiều chắc chắn có cá kho hoặc cá chiên dầm tỏi ớt. Khi nào tôi chỉ câu được cá “mừng hụt”, Mẹ tôi phải xách rổ đi mua tôm tép từ những người chuyên về nghề “đi chài” hoặc nghề “đóng đáy.” Tép tươi “rang xối” (bỏ một chút muối vào tép và rang sơ sơ cho tép vừa chín thôi) ăn ngon “tuyệt cú mèo”.

Nghề đóng đáy

Nghề này còn gọi là nghề làm đáy hay **nghề hạ bạc**.

- Dụng cụ hành nghề:

Ở các sông ngòi vùng đồng bằng Cửu Long và Đồng Nai ngư phủ dùng một loại lưới gọi là “miệng đáy” hay gọi tắt là “đáy” để đánh cá. Nghề đánh cá với loại lưới này gọi là nghề “làm đáy” hay “đóng đáy”. Người ta còn gọi nghề này là nghề “hạ bạc.” Muốn làm nghề này phải có bốn dụng cụ chánh sau đây.

- **Ghe đáy:** Ghe này khá lớn; dài từ 6 đến 8 mét, và ngang độ 1.8 đến 2 mét. Mũi dài cỡ 1/3 của ghe và nằm về phía lái, cách lái độ một mét. Phần còn lại của ghe là nơi làm việc của ngư phủ và là nơi chứa miệng đáy trước khi thả xuống sông và sau khi kéo lên khỏi sông. Ghe là nơi ngư phủ sống tạm trong suốt thời gian thả lưới dưới sông, hoặc dùng để di chuyển từ nhà đến nơi đóng đáy.

- **Miệng đáy:** Cái lưới để bắt cá. Lưới này có hình cái phễu. Nơi miệng có đường kính rộng độ 8 đến 10 mét. Nơi nhỏ nhất ở cuối có đường kính độ 35 đến 40 centi-mét. Chiều dài của lưới khoảng 20 đến 25 mét.

- **Sào đáy:** Gồm hai cây, cắm chặt xuống đáy sông, thường là gần giữa sông, nơi có dòng nước chảy mạnh. Sào được cột vào một hệ thống dây chằng, giữ cho sào đủ vững để chịu đựng sức nặng của miệng đáy khi nước chảy mạnh. Hai sào đáy cách nhau độ 8 mét. Khi đánh cá, ngư phủ cọt

miệng của “đáy” vào sào đáy . Cái miệng này hả rộng ra từ dưới mặt nước độ 20 centi mét (để khỏi hứng những đám lục bình trôi trên sông) cho đến gần sát lòng sông (hết chiều rộng của lưới độ 8 mét như đã nói).

- **Rượng đáy:** Một cái giàn gồm 4 cây sào, hai cây đứng và hai cây ngang trên cao. Sào này dùng để phoi đáy khi nào không đánh cá. Rượng đáy thường được dựng lên cạnh bờ sông.

- **Đục:** Ngoài ra, phần cuối của lưới đáy còn có “cái đục.”

Đục là cái giỏ bằng tre, đường kính bằng với miệng nhỏ của lưới và dài độ 1.2 thước. Đục được ráp vào “đáy” nơi miệng nhỏ của “đáy.” Đục được đậy bằng một vật bằng tre, hình phễu, nơi lưới đáy và đục ráp nhau. Đuôi phễu hướng về cuối của đục. Phần cuối phễu được chế tạo co giãn: cá đi vào đục vì sức ép của nước chảy, nhưng không lội ra khỏi đục được vì bộ phận co giãn đó. Đục là nơi chứa tất cả những tôm cá nào lọt vào cái miệng của “miệng đáy”. Khi thả lưới xuống sông, cái miệng (phía lớn) của lưới đáy đã mở rộng ra để đón bắt những cá tôm nào lọt vào đó.

Ngư phủ ở vùng này chỉ “làm đáy” khi “nước ròng” (triều xuống) thôi, vì nơi khúc sông này nước ròng chảy mạnh hơn nước lớn (triều lên) cá khó lội ngược dòng khi đã lọt vào lưới. Hơn nữa, khi nước lớn đầy, các loại tôm, tép và cá từ trong các ruộng hay các đầm lầy ngập nước, lội ra kiếm ăn. Khi nước ròng, chúng không trở về kịp, và sẽ trôi theo dòng nước. Do đó nước ròng có nhiều cá tôm hơn nước lớn.

- **Đổ đục, tôm và tép:** Ngư ông làm đáy, sẽ thăm chừng “đục” mỗi giờ, để có mớ nào liền đem ra chợ bán mớ ấy, nếu con nước thuộc loại nước ngày. Mỗi lần thăm chừng như vậy, ngư phủ làm một động tác gọi là “đổ đục” . Ngư phủ kéo đục lên khỏi mặt nước và đổ tất cả những cá tép đã có trong đục vào một cái “khoang” trong ghe, một cái hộp đựng nước để chứa cá tôm. Ca dao có câu:

Đêm khuya ngồi dựa khoang bồng,

Sương sa gió lạnh chạnh lòng nhớ em.

Nếu đổ đục ban đêm, thì “rọng” cá tôm vào trong một “cái rọng” (động từ “rọng” là ngâm cái rọng này ở dưới nước cho cá tôm tiếp tục sống) chờ sáng sớm đem ra chợ bán.

Đối với dân chúng ở vùng đồng bằng Cửu Long Đồng Nai, tôm và tép là hai nhóm khác nhau, tuy cùng chung một loại vỏ. Theo dân ở đồng bằng, tôm là tất cả những con nào có một cặp càng to hơn các chân khác của nó. Để dễ nhận diện chúng, chúng ta có những con “tôm càng xanh” bán trong các siêu thị VN. Còn tất cả những thứ có vỏ loại đó nhưng không có cặp càng đặc biệt, đều gọi là “tép”.

Nói khác đi, thức ăn mà chúng ta thường gọi là “tôm rang muối” ở các tiệm ăn VN hay TH ở Mỹ, Gia Nã Đại đều thuộc loại “tép” cả. Nhưng vì những năm gần đây, do việc xuất cảng, danh từ chung để gọi cả hai nhóm trên là “tôm” cho gọn (crevette tiếng Pháp, hay shrimp của Anh, Mỹ). Vì vậy, gần đây Việt kiều ít phân biệt tôm và tép nữa.

Sông, nghề hạ bạc và tuổi thơ

Tôi có nhiều bà con làm nghề đóng đáy này. Riêng Bác Năm tôi “làm đáy” ngay trên sông Đa Phước, cách nhà tôi độ 100 thước. Vì dòng sông khá rộng, nên còn có hai ngư phủ khác với 2 cặp sào sắp thành một hàng chiếm độ một phần ba của sông, nơi khoảng giữa sông.

Thời tuổi thơ, suốt những năm tiểu học, ngoài việc câu giăng, thỉnh thoảng tôi đã theo bác tôi, lênh đênh trên ghe nhiều ngày trong trong mỗi tháng để hụ hợ (giúp chuyện lật vật) với bác. Lẽ dĩ nhiên Bác Năm trả công bằng cách cho một mớ cá tép đem về sau mỗi lần tôi theo phò tá. Nói là theo giúp việc, nhưng thật ra thì chơi đùa nhiều hơn là làm việc, vì lúc đó tôi còn quá nhỏ, việc làm đáy lại là một việc nặng nhọc vô cùng.

Sau đó tôi lên Sài Gòn học trung học (Petrus Ký). Trong ba năm đầu, cứ mỗi khi có ngày nghỉ ở trường, tôi lại về quê bên dòng Đa Phước. Tôi lại tiếp tục, một vài lần trong mỗi tháng, tùy theo “con nước” (thủy triều) phải

“thức khuya dậy sớm”, không phải để học bài, mà là để theo Bác Năm đi “đóng đáy”.

Từ Sài Gòn về đến chợ Mỏ Cày phải đi xe qua không biết bao nhiêu cây cầu và hai chuyến bắc (phà). Những cây cầu lớn gồm có cầu Bến Lức, và cầu Tân An. Xuống đến Mỹ Tho phải đi ngang qua bắc sông Mỹ Tho, và cầu Ba Lai mới tới Bến Tre. Từ Bến Tre về Mỏ Cày phải đi qua Bắc Hàm Luông, và rất nhiều cầu nhỏ. Đường dài chỉ 100 cây số mà phải mất đến 5 giờ vì hai chuyến bắc này. Sông Mỹ Tho, Ba Lai và Hàm Luông là ba nhánh chánh của của Tiền Giang. Khi ngày nghỉ chấm dứt, trên đường từ Mỏ Cày về Sài Gòn thì cũng vượt qua bao nhiêu đó cầu và bắc, theo chiều ngược lại.

Việc theo làm nghề hạ bạc bán thời gian trong dịp hè bị gián đoạn sau năm tôi được 14 tuổi. Việc đánh cá ở trên sông Đa Phước xuống dốc, Bác Năm tôi “nhỏ sào” và dọn nhà qua vùng Nhơn Sơn, cách chợ Bến Tre độ 15 km. Nơi đó chỉ có giao thông với Bến Tre bằng đường thủy, nên sau này tôi rất ít đến.

Khi từ giã cha mẹ tôi, Bác Năm trai có nói: “Càng ngày càng có nhiều người bỏ nghề hạ bạc này vì số cá tôm bắt được càng ngày càng ít. Chắc rồi đây tôi cũng sẽ bỏ nghề, nếu chỗ mới kiếm ăn không khá.” Nhơn cơ hội đó, Cha tôi nói: “Con có nghe Bác Năm nói không. Con phải ráng học, càng cao càng tốt, để tránh cái cảnh sống khó khăn của các bác và chú.”

Dòng sông Đa Phước và người “Life Guard” không biết lội.

Tất cả đều đã là một dĩ vãng xa xăm. Phần rõ nhất còn lại trong ký ức là đời sống ngày thơ, hạnh phúc của tôi lúc còn nhỏ, qua hình ảnh của người mẹ VN lúc nào cũng trông ngóng con về thăm nhà. Và hình ảnh của người vợ VN lúc nào cũng tỏ vẻ hiểu biết, chấp nhận sự hy sinh, vừa phải đi dạy học, vừa lo cho con, chấp nhận mọi sự cực khổ, mỗi mòn mong ngóng, nhưng luôn khuyến khích chồng tiếp tục con đường học vấn. Vợ thì vẫn còn chung bước trên đường đời, cùng nhau “vui thú điền viên”

trong những ngày hưu trí hiện tại. Nhưng Mẹ thì đã ra đi từ lâu.

Người life guard không biết lội

Nhớ lại, Mẹ đã đứng cạnh dòng sông mỗi lần tôi xuống tắm lội dưới sông cho đến khi tôi lên bờ. Mẹ tôi sợ tôi “ỷ lợi giỏi” lội ra xa bờ quá có thể chết đuối. Hoặc khi tôi “mượn xuống” chèo chơi trên sông, Mẹ cũng đứng chờ vì nếu chủ xuống trở lại thì Mẹ xin phép chủ xuống cho tôi và gọi tôi đem xuống về trả lại. Nhớ lại chuyện cũ mà tôi tức cười. Mẹ tôi nào có biết lội. Vậy mà Mẹ luôn đóng vai trò “life guard” để coi chừng cho con tha hồ bơi lội trong dòng nước đôi khi chảy khá mạnh. Giờ đây nghĩ lại, nếu có chuyện gì xảy ra cho tôi lúc tôi ở dưới nước, Mẹ cứu tôi bằng cách nào? Thế mà lúc ấy Mẹ cũng “an lòng” đóng tròn vai trò “life guard” và con cũng “yên chí” tha hồ bơi lội hằng nhiều giờ dưới dòng sông.

Anh lính Ma rốc và sông Đa Phước

Trong những kỷ niệm của việc lội sông và bơi xuống ba lá, việc vớt một anh lính Maroc tắm sông và suýt bị “ma-da” kéo, có lẽ là chuyện buồn cười nhất.

Số là đồn lính của quận lỵ cách nhà cha mẹ tôi chừng năm trăm thước, trên một ngã ba sông. Trước khi lính Nhật đến, thì có một số lính Tây, hầu hết là “Tây trắng” đóng giữ. Sau khi Nhật chiếm một thời gian, thì Tây chiếm trở lại. Nhưng lần này có nhiều “Tây đen Phi châu” như người Maroc và Senegal (còn có biệt danh là “cột nhà cháy” vì nước da đen tuyền, hay “Tây gạch mặt” vì trên mặt của họ có những lần giống như thẹo do phong tục gạch mặt làm duyên của họ).

Một hôm đang bơi xuống ba lá trên sông, nước chảy khá mạnh, tôi thấy một anh lính Maroc lội theo dòng nước. Chuyện tắm sông của toán lính đồn trú không có gì lạ, nhưng chỉ ở gần đồn của họ thôi. Còn anh Maroc này đã lội xa đến gần nửa cây số rồi. Anh ta lại vẫy tay có vẻ chơi với. Tôi biết lội, như đã nói, và thấy anh lính không ở trong tình trạng lội bình thường, cần giúp đỡ.

Vì “điếc không sợ súng”, tôi còn nhỏ quá không biết sợ chìm ghe, bơi xuống về phía anh lính. Anh ta vói tay đeo vào be xuống và luôn miệng nói “merci” (cám ơn; tôi hiểu tiếng này vì trong nhà có nhiều anh chị đi học và dùng rồi). Tôi ra dấu bảo anh ta leo lên xuống. Anh ta cứ lắc đầu quây quậy, chỉ chỗ lung tung. (May cho đời tôi là anh ta không leo lên, chớ nếu anh ta làm vậy thì chắc chắn xuống lật rồi, vì anh ta to lớn và nặng ký lắm.) Anh chỉ xuống nước, rồi chỉ vào bờ và xỏ hàng loạt tiếng Tây. Tôi mù tịt. Đành bơi xuống kéo anh ta vào chỗ có cây cầu ghe đậu.

Trong lúc đó mẹ tôi đã “la làng” cầu cứu với hàng xóm. Thiên hạ bu lại khá đông. Người thì la rầy tôi, người thì khen tôi. Lúc ấy tôi bối rối và không hiểu vì sao lại có những lời phê phán trái ngược của người lớn. Phần anh lính, tới bến, anh ta đeo tay vào cầu ván, nhưng không chịu leo lên mặc dầu có nhiều người đưa tay ra giúp kéo anh ta lên. Lại một màn ngôn ngữ bất đồng.

Một người chị của tôi, đã học đến lớp nhứt (tức đã đi học được sáu năm tiểu học có học “tiếng Tây” (Pháp văn) trong hai năm chót, cũng chạy ra gần cầu ván. Sau một ít phút, chị hiểu được là Anh lính nói gì. Tội nghiệp chị tôi (lúc đó độ 14 tuổi) cứ đứng bụm miệng cười nhưng không chịu nói. Những người hàng xóm đứng chung quanh hỏi chị có hiểu nó cần gì không, chị tôi gặc đầu mà không chịu trả lời câu hỏi của những người khác. Họ hỏi nhiều lần, chị tôi mới chịu kè miệng vào tai của má tôi và thì thầm câu gì đó. Nói xong chị co giò chạy một mạch vào nhà.

Mẹ tôi lập lại lời nói của chị tôi cho đám đông và cả nhóm cười rộ. Một ông hàng xóm vào nhà đem ra một “cái chăng” và đưa cho anh lính. (“Cái chăng” giống như cái sà-rông của phụ nữ Cambodia, hay Thái, tức là cái quần “không ống” của đàn ông dùng, hoặc mặc thường xuyên, hoặc chỉ dùng khi thay quần mà thôi, rất tiện lợi trên ghe, hay ở ven sông, vì các nơi đó không có “nhà tắm” hay phòng riêng để thay quần áo.) Anh ta vận chăng dưới

nước và leo lên cám ơn mọi người và đi bộ trở về đồn.

Các bạn có biết chị tôi nói câu gì với mẹ tôi không? Chị ấy nói: “Anh Maroc nói là anh ta không có quần, nên không thể trèo lên được”.

Hôm sau, anh ta đến tìm tôi và cho tôi \$50.00. Lúc đó năm chục đồng bạc VN có giá trị rất lớn. Tôi nhớ là mỗi sáng mẹ tôi đưa cho tôi một đồng bạc để đi chợ mua thức ăn sáng. Tôi mua về mười gói xôi cho cả nhà ăn. Và với 25 xu tôi đã mua được một tô cháo lòng, ăn tại chỗ, ở chợ quận Mỏ Cày. Cho tới giờ này tôi vẫn không biết là anh Maroc kia “thoát y” trước khi nhảy xuống sông tắm lội, hay vì vùng vẫy với dòng nước chảy mạnh của sông Đa Phước mà bị nước cuốn trôi quần đi.

Những kỳ nghỉ hè và những dòng sông

Khi phải rời con sông Đa Phước để lên Saigon học, (dưới sự giúp đỡ của Anh Chị Sáu và Anh Chị Hai tôi, cho đến khi học xong Cử Nhân) mẹ tôi đã dẫn tôi đi dọc theo bờ sông để lên bến xe, vừa đi vừa căn dặn đủ điều, nhứt là “phải biết lo học để tấm thân được nhờ về sau”, và “ráng học cho anh chị con được vui lòng”.

Rồi mỗi độ Tết đến, hay hè sang, khi về đến đầu đường bờ sông gần nhà, tôi đã thấy Mẹ tôi đứng chờ ở đó. Câu đầu tiên mà tôi thường nghe Mẹ hỏi là “con học hành có đang hoàng không?” Câu thứ hai là “mẹ có rang xối một mớ tép bạc tươi cho con, và có nướng vài con tôm càng cho con nữa.” Thế nào chiều đầu tiên ở nhà, cũng có màn tắm sông. Và mẹ tôi tiếp tục đóng vai “life guard” cho đến khi tôi lên bờ.

Những kỳ nghỉ hè qua thật nhanh. Mẹ lại dẫn tôi ra bến xe... Mẹ lại đón tôi ở đầu đường ven sông, suốt bảy năm trung học của tôi. Dòng sông Đa Phước, những con sông mà tôi vượt qua khi về nhà vào những vụ hè, khi đi trên những chuyến bắc bập bênh hàng giờ qua sông Mỹ Tho, Hàm Luông, đều có những kỷ niệm nho nhỏ của những chuyến thăm nhà.

Thêm vào, còn có những dòng sông, con rạch khác mà tôi có dịp chèo xuồng khi đi thăm bà con ở vùng quê, trong quận Mỏ Cày, hay khi có dịp qua vùng Nhơn Sơn với Cha tôi để thăm Bác Năm và những bà con khác đều cho tôi những hình ảnh sống động của dân Bến Tre và sự ích lợi của những dòng sông cho cuộc sống của dân chúng ở tỉnh này.

Cái thơ mộng đôi khi lẫn lộn với cái cảnh sống động của những dòng sông, với những chiếc xuồng con, hay những chiếc ghe lớn với chèo tay, hay những chiếc ghe có máy chở khảm hàng hóa xuôi ngược. Bên cạnh những dòng sông còn có cảnh trí những ngôi nhà ven sông, những bụi dừa nước (cây lá để lợn nhà ở đồng), những đám bần ở những mé sông phía đất bồi, những đám lục bình thanh thảo trôi theo dòng nước lớn, nước ròng, không biết trôi về đâu. Tất cả đều là những hình ảnh khó phai nhòa trong tâm trí. Và vì đó mà tôi thích nhạc và thơ viết về sông.

Dòng sông định mạng và lời “coi tướng” của anh sếp phở

Nghề hạ bạc và văn bằng Cao Học

Sau khi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm về Sử Địa và Đại học Văn Khoa về Nhân Chứng Học, tôi trở thành giáo chức trung học (nhiệm sở đầu tiên là trường Petrus Ký; sau đó là Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức). Vừa đi dạy học, vừa ghi tên học Cao Học Văn Khoa, học tiếp ngành Nhân Chứng Học. Sau năm đầu đọc và phúc trình về các sách Nhân Chứng được chỉ định, tôi lại nhớ đến nghề “làm đá” và sự bỏ nghề dần dần của một số ngư phủ, tôi quyết định chuyên khảo về Nhân Chứng Kỹ Thuật Học và đề tài cho Tiểu Luận Cao Học là: Nghề Làm Đá ở đồng bằng Cửu Long Đồng Nai.

Mục đích chánh là ghi chép lại kỹ thuật “làm đá” trước khi nghề này bị mai một hay biến mất trong đời sống mới của các ngư phủ vùng đồng bằng. Thế là suốt hai năm ròng rã, một vài cuối tuần trong mỗi tháng tôi lại trở về một số địa điểm có nhiều ngư phủ làm nghề này ở các sông thuộc lưu vực

Tiền Giang (tỉnh Bến Tre) và ở sông Đồng Nai (thuộc quận Nhà Bè) để học hỏi thật chi tiết và có hệ thống, những gì mà hồi nhỏ tôi chỉ biết sơ sài vì không khi nào để ý đến các chi tiết. Nhưng thật ra thời gian hai năm đó rất “dài” vì ban ngày đi dạy học, ban đêm phải tiếp tục đọc những sách đã được chỉ định, và phải ghi chép, viết lại những gì đã học được ở cuối tuần vừa qua.

Người phải chịu đựng sự hy sinh nhiều nhất trong tiến trình học vấn này, lẽ dĩ nhiên không phải là người đi học, mà là người hôn phối của mình. Nhất là năm cuối, trước khi trình Tiểu Luận.

Tiểu Luận được trình vào và được chấm đậu vào mùa hè 1968, trước Hội Đồng Giám Khảo, do Khoa Trưởng Nguyễn Khắc Hoạch chủ tọa, và Giáo Sư Nghiêm Thẩm là Giáo Sư Bảo Trợ. (GS Thẩm nghe nói đã từ trần từ vài chục năm nay. Giáo Sư Hoạch hiện đã trên 80 tuổi, là cựu Viện Trưởng Viện Việt Học, một cơ quan Văn Hóa bất vụ lợi, ở Orange County. Ông vừa từ trần vào cuối năm 2003).

“Nghề hạ bạc” đã đem đến cho tôi văn bằng Cao Học Văn Khoa.

Dòng sông định mạng

Thi xong Cao Học, tôi tiếp tục cuộc sống trong ngành huấn luyện giáo chức trung học (nhân viên giảng huấn, Đại Học Sư Phạm Saigon (65-72); và giáo chức tiểu học (Hiệu Trưởng trường Sư Phạm Saigon từ 1/69).

Đến tháng giêng 1972 tôi được học bổng và tới Los Angeles để học chương trình tiến sĩ giáo dục. “Nhà tôi” lại gánh phần hy sinh, ở lại VN nuôi con cho tôi tiếp tục con đường học vấn. Lại hơn ba năm dài đằng đẵng trôi qua. Học xong, vừa trở về nước chỉ được vài tháng lại cuốn gói ra đi vào tháng tư, 1975.

Trở lại HK, (đây là lần thứ tư, từ VN đến HK) tôi (và nhà tôi) kiếm được việc trong ngành “Bảo vệ An Sinh Trẻ Con” (Child Welfare/Child Protective Services), một ngành tuy khác biệt, nhưng có liên hệ đến giáo dục. Cũng như các nghề nghiệp khác, làm việc trong ngành này đôi khi rất cực trí,

và phải lo âu đôi chút khi gặp một số vấn đề khó quyết định, nhưng không có gì sóng gió cả.

May mắn tìm được nghề vừa ý và vừa sức. Chúng tôi thăng tiến trong ngành này, và sống trong ngành này cho đến khi về hưu. Cuộc sống nghề nghiệp của chúng tôi ở cả hai nước VN và HK đều là cuộc sống công chức, bình lặng, đơn sơ không có gì đáng để viết “hồi ký.” Tôi thuật sơ ra đây để nói đến một việc lạ lùng của dòng sông định mạng (hay ân sủng đã được an bài) và một câu nói “coi tướng” mà tôi gọi đùa là “lời đoán mò nhưng đúng”.

Số là lúc vừa lên Saigon để vào năm đầu trung học, tôi có ghé nhà thăm một người bà con xa. Cùng đi với tôi còn có người anh kế của tôi. Vừa bước vào cửa nhà đó, Bà Thiểm tôi đã la ngay: “Hai đứa bây đi ở đợ mà không lo làm việc nhà, cứ đi chơi hoài”. Nói xong, bà nháy mắt ra tín hiệu với chúng tôi. Chúng tôi nào có hiểu gì và nào dám có phản ứng gì. Kế đó bà kêu anh sếp phơ (tài xế) của bà đến và bảo anh ta coi tướng cho hai đứa tôi.

Anh là một người Việt gốc Cam Bốt, không biết viết, hay đọc tiếng Việt, có vẻ rất hiền từ. Anh ta đứng cách chúng tôi độ 3 thước, ngó ngay mặt anh tôi và có vẻ trầm ngâm. Một vài phút trôi qua, anh từ từ nói: “Thằng lớn học hành gặp nhiều khó khăn, học đi học lại, nhưng học xa, và khó xin đi nước khác lắm; nhưng nếu có đi thì đi luôn không về.”

Rồi anh ta nhìn qua phía tôi cũng trầm ngâm một lúc và nói: “Thằng nhỏ này sẽ học nhiều lắm như thằng kia, và sẽ được đi nước khác nhiều lần. Học hành suông sẻ, làm ăn suông sẻ, nhưng cái việc làm của thằng nhỏ sẽ không có tiền bằng thằng lớn, nó cũng đi luôn không về khi đi với thằng lớn.”

Bà Thiểm tôi hỏi làm sao anh ấy biết. Anh ta trả lời là “thấy sao nói vậy chứ không biết tại sao.” Anh ta còn nói nhiều chuyện khác, nhưng không trực tiếp đến chúng tôi.

Giờ đây về hưu, ngồi viết chuyện xa xưa để giải trí, và nhớ lại “lời đoán mò” ấy mà tự

thắc mắc vì không có câu trả lời. Tại sao anh sếp phơ đó đoán đúng hoàn cảnh cuộc đời anh tôi, và tôi từ hơn 50 năm về trước? Làm sao anh ta đã nhìn và thấy được dòng sông định mạng của chúng tôi? Hay đó là một sự trùng hợp thuộc loại không giải thích được? Tôi không hề tin việc tướng số; ngoài việc “bị” hay “được” coi tướng bắt đầu từ đó, suốt đời tôi, cho đến giờ phút này, tôi chưa hề đi coi bói, hay coi tướng một lần nào khác nữa.

Kể từ ngày trở lại Hoa Kỳ năm 1975, dòng sông và nghề hạ bạc trở nên xa xôi lặn lặn trong tâm trí. Quyển Tiểu Luận, với nhiều hình ảnh liên quan đến nghề hạ bạc, giờ đây còn ở thư viện Đại học Văn Khoa Sài Gòn hay không, tôi thật không biết. Phụ bản thì lúc rời nước vào tháng tư, năm 1975, không phải là một cần thiết nên tôi không mang theo, và giờ đây cũng không biết nó thất lạc nơi nào.

Chỉ biết thăm cảm ơn mọi người liên hệ đến đời tôi, đã nuôi nấng tôi, khuyến khích tôi, chịu cực khổ vì tôi, giúp đỡ tôi, khuyên nhủ tôi, và đã cho gia đình tôi có những kỷ niệm êm đẹp và một cuộc sống yên vui. Chỉ thăm cảm ơn Thượng đế đã cho gia đình tôi ân sủng an bình trong mấy thập niên qua.

Những câu hát ru con và nghề hạ bạc

Trong lúc đi học hỏi và nghiên cứu về nghề hạ bạc, tôi thường nghe các bà ngư phủ ru con ngủ bằng những câu hát, hò quen thuộc mà tôi đã nghe từ lúc còn nhỏ. Một số các câu này là những câu rất phổ quát ở mọi nơi. Một số khác, chỉ nghe ở vùng đồng bằng Cửu Long Đồng Nai, không biết có phổ quát ở các nơi khác không.

Những câu hát này gồm trong nhiều đề tài khác nhau như: Công ơn cha mẹ; sự tỏ tình giữa trai gái hay vợ chồng; câu hát về ăn uống hay những câu có tính cách vui đùa; và sau hết là câu hát liên quan đến sông nước, núi non, chim cá. Tôi ghi nhận lại nơi đây như một chút kỷ niệm của quê cha đất tổ.

Câu hát về công ơn cha mẹ

Đói lòng ăn đọt chà là
Để cơm nuôi mẹ kẻo già mỗn hơi.
Công cha nặng lắm cha ơi
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang
Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẹ già.
Mẹ già đầu bạc tuổi cao
Làm con báo đáp biết sao cho vừa.

Câu hát tỏ tình thương giữa nam nữ

Thấy anh hay chữ, xin hỏi thử đôi lời,
Hỏi tạo thiên lập địa, Ông Trời do ai sanh?
Em hỏi chi câu hỏi bất bình
Hỏi tạo thiên lập địa hai đũa mình có đâu?
Lên cầu than thở cùng cầu
Cầu bao nhiêu nhịp em sầu bấy nhiêu.
Cây da trước miếu, ai biểu cây da tàn
Bao nhiêu lá rụng thương nàng bấy nhiêu.
Thò tay mà ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột, giả đồ không thương.
Công anh đồn trúc dựng nêu
Cha mẹ em không gả, anh kêu tới trời.
Chim Quyên xuống suối tha mồi
Thấy anh lao khổ đứng ngồi không yên.
Thương em mấy núi cũng trèo
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.
Thương em anh trèo lên ngọn ớt
Ới gầy, anh rút sống ngọn hành
Hành đâm anh lũng ruột,
Sao em đành làm ngơ.
Đèn nào cao cho bằng đèn sớ thương,
Nghĩa nào trượng cho bằng nghĩa phu thê
Anh có đi đâu lạc Sở qua Tề,
Đôi ba năm cũng nhớ trở về với em.

Câu hát nói về ăn uống hoặc đùa vui

Trên trời có lắm ông sao
Ông to, ông bé ông nào đẹp hơn.
Ban ngày ông trốn sạch trơn
Ban đêm ông lại chập chờn trên cao.
Hiu hiu gió thổi đầu non
Mấy chàng nhậu rượu là con Ngọc Hoàng
Ngọc Hoàng ngồi tựa ngai vàng
Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi

Tưởng rằng con uống con chơi
Ai ngờ con uống con rơi xuống sinh.
Ngó lên chót vót cây xoài
Thấy ba ông địa đánh bài cách tề.

Ngó lên chót vót cây bần
Thấy ba ông địa ở trần nấu cơm
Ông táo lấy chén đơm cơm
Ông địa lo giỡn nồi cơm khô rồi.

Em tôi buồn ngủ buồn nghề
Thèm ăn cơm nếp cháo kê thịt gà
Em tôi buồn ngủ la đà
Thèm ăn cơm nếp thịt gà cháo kê.

Câu hát hò về sông nước, núi non, chim cá

Mây bay khắp bốn phương trời
Hỏi mây có biết chỗ nơi mây dừng?
Nước trôi trôi mãi không ngừng
Mây bay chậm chậm lưng chừng đầu non.

Ba phen quạ nói với diều
Ngã ba Bến Rớ có nhiều cá tôm.
(Chim) bìm bịp kêu nước lớn anh ơi
Buôn bán lỗ lời? Chèo chống mõi mê.

Dò sông dò biển khó dò
Nào ai lấy thước mà đo lòng người.
Sông sâu còn bắt nhịp cầu
Sông dài, biết tỏ lòng sâu cùng ai?

Chèo ghe đi bán cá vồ
Nước chảy ồ ồ chẳng thấy người mua
Chèo ghe xuống biển bắt cua
Bắt cua cua lội, bắt rùa rùa bơi.
Sông dài biển rộng trời cao
Công ơn cha mẹ ngày nào trả xong.